

Số: 23 /2019/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1358/TTr-SNN ngày 28 tháng 5 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 7 năm 2019 và thay thế Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy mô diện tích tối thiểu cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về mức hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch

UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *th*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU.TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP.ĐĐBQH,HĐND và UBND tỉnh.

6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

QUY ĐỊNH

**Về hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13 /2019/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân);

b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân);

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã);

d) Doanh nghiệp;

đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Đối với mỗi loại hình liên kết quy định tại Điều 4 Quy định này, các bên tham gia liên kết ở nội dung nào thì được hưởng chính sách hỗ trợ ở nội dung đó. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các nội dung liên kết theo hợp đồng, dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết để quyết định hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này.

2. Mỗi bên tham gia liên kết được hưởng chính sách hỗ trợ mà bên đó thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng, dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

3. Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

4. Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, địa phương chủ động cân đối bổ sung ngân sách tỉnh (sau đây gọi chung là ngân sách cấp tỉnh) và ngân sách các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là ngân sách cấp huyện), lồng ghép

các chương trình, dự án để thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định này.

5. Khuyến khích các nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp khác để thúc đẩy liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Điều kiện để được hỗ trợ

Các bên tham gia liên kết được hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

1. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.
2. Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.
3. Liên kết đảm bảo ổn định:
 - a) Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm;
 - b) Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.
4. Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp.

Chương II

HÌNH THỨC LIÊN KẾT, HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT VÀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

Điều 4. Các hình thức liên kết

1. Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
2. Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
3. Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
4. Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
5. Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
6. Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
7. Liên kết sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Điều 5. Hợp đồng liên kết

Hợp đồng liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây gọi chung là Hợp đồng liên kết) là hợp đồng được ký giữa các bên tham gia liên kết trên nguyên tắc tự nguyện nhằm thực hiện các hình thức liên kết quy định tại Điều 4 Quy định này.

Điều 6. Dự án liên kết

1. Dự án liên kết là dự án do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã và các bên tham gia hợp đồng liên kết cùng thỏa thuận, xây dựng và triển khai đầu tư liên kết theo các hình thức quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Các bên tham gia liên kết lập dự án liên kết để làm căn cứ hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều 9 Quy định này. Trường hợp không đề xuất hỗ trợ theo các chính sách hỗ trợ nêu trên, chỉ cần lập kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

3. Chủ trì liên kết: Trường hợp doanh nghiệp hoặc hợp tác xã ký hợp đồng liên kết trực tiếp với cá nhân, nông dân thì doanh nghiệp hoặc hợp tác xã sẽ là chủ trì liên kết. Đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau thì các bên thống nhất cử ra chủ trì liên kết.

4. Chủ trì liên kết xây dựng hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết. Trường hợp phải lập dự án liên kết, chủ trì liên kết là chủ đầu tư dự án liên kết.

5. Ngoài các nội dung tự thỏa thuận giữa các bên tham gia liên kết, Dự án liên kết phải có ít nhất một trong các nội dung sau:

a) Thiết kế, cải tạo đồng ruộng, đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô diện tích vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung;

b) Đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

c) Góp vốn, tài sản, giá trị quyền sử dụng đất, công nghệ hay quy trình sản xuất.

6. Hồ sơ và trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Dự án liên kết thực hiện theo Điều 10 Quy định này.

Chương III

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ HỖ TRỢ THỰC HIỆN LIÊN KẾT

Điều 7. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

1. Chủ trì liên kết: Chủ trì, phối hợp các đơn vị tư vấn xây dựng liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí, bao gồm: Tư vấn, điều tra hiện trạng, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, lập dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường phục vụ liên kết.

2. Mức hỗ trợ: 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng (chỉ áp dụng đối với xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị mới), phân cấp cụ thể:

a) Dự án liên kết phạm vi thực hiện trên địa bàn huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện): Hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án (ngân sách cấp huyện);

b) Dự án liên kết phạm vi thực hiện trên địa bàn tỉnh (từ hai huyện trở lên) hoặc dự án liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức ngoài tỉnh (sau đây gọi chung là cấp tỉnh): Hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án (ngân sách cấp tỉnh);

c) Chủ trì liên kết hoặc tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết, cụ thể:

- Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết phạm vi cấp huyện được phê duyệt hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/kế hoạch (ngân sách cấp huyện);

- Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết phạm vi cấp tỉnh được phê duyệt hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/kế hoạch (ngân sách cấp tỉnh).

Điều 8. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ xây dựng liên kết

1. Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết, bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, nhà kho phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2. Mức hỗ trợ 30% vốn đầu tư cơ sở hạ tầng dự án liên kết, phân cấp cụ thể:

a) UBND cấp huyện phê duyệt dự án liên kết phạm vi thực hiện cấp huyện: Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng/dự án, trường hợp dự án liên kết cấp huyện nhưng có mức hỗ trợ trên 05 tỷ đồng thì UBND cấp huyện thẩm định và trình hồ sơ UBND tỉnh xem xét, phê duyệt;

b) UBND tỉnh phê duyệt dự án liên kết phạm vi thực hiện cấp tỉnh: Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

Điều 9. Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm

1. Ngoài phần hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết quy định tại Điều 8 Quy định này, các bên tham gia liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nội dung sau:

a) Xây dựng mô hình khuyến nông: Mức hỗ trợ áp dụng theo định mức chi các hoạt động và kỹ thuật khuyến nông hiện hành;

b) Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Mức hỗ trợ áp dụng theo các quy định hiện hành về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, công tác khuyến nông và các quy định hiện hành khác;

c) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã: Mức hỗ trợ 30% chi phí mua giống, vật tư thiết yếu ở các lĩnh vực: Trồng trọt (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật), chăn nuôi và thủy sản (thức ăn, thuốc thú y) phục vụ xây dựng chuỗi liên kết và tối đa 100% chi phí bao bì,

nhãn mác sản phẩm, thời gian hỗ trợ cụ thể:

- Sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm được hỗ trợ tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm trong thời gian liên kết tối thiểu 03 năm;

- Sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên được hỗ trợ tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm trong thời gian liên kết tối thiểu 05 năm.

d) Ngân sách hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi. Việc hỗ trợ áp dụng theo các quy định hiện hành.

2. Đối với trường hợp Chủ trì liên kết không đề xuất nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều 9 Quy định này thì Chủ trì liên kết hoặc tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ chỉ cần lập kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết quy định tại điểm b, c, d, khoản 1, Điều 9 Quy định này cho các đối tượng tham gia liên kết trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kế hoạch hỗ trợ liên kết, phân cấp cụ thể:

a) UBND cấp huyện phê duyệt Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết phạm vi thực hiện cấp huyện;

b) UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết phạm vi thực hiện cấp tỉnh.

Điều 10. Hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ liên kết

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết

a) Đơn đề nghị của Chủ trì liên kết (theo mẫu số 01);

b) Dự án liên kết (theo mẫu số 02) hoặc Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo mẫu số 03);

c) Bản thỏa thuận cử đơn vị Chủ trì liên kết (theo mẫu số 04) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau;

d) Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo mẫu số 05).

đ) Bản sao chụp hợp đồng liên kết.

2. Trình tự thủ tục

a) Trường hợp UBND tỉnh phê duyệt mức hỗ trợ dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết theo trình tự thủ tục (thực hiện theo quy định thủ tục hành chính cấp tỉnh):

Bước 1: Chủ đầu tư dự án liên kết hoặc Chủ trì liên kết (sau đây gọi chung là Chủ trì liên kết) gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đến Sở

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc theo đường bưu điện;

Bước 2: Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định từ Chủ trì liên kết, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp tỉnh, thành phần gồm: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, đại diện các sở, ban, ngành liên quan và đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện có liên quan. Kinh phí chi cho các hoạt động của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh được thực hiện theo các quy định hiện hành (sử dụng vốn sự nghiệp ngân sách cấp tỉnh).

Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tờ trình trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phải thông báo và nêu rõ lý do cho Chủ trì liên kết được biết.

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết theo quy định (nếu hồ sơ hợp lệ); Nếu hồ sơ không hợp lệ trả về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện đúng quy định.

b) Trường hợp UBND cấp huyện phê duyệt dự án hỗ trợ liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết thì Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố (sau đây gọi chung là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện), thực hiện trình tự thủ tục (theo quy định thủ tục hành chính cấp huyện):

Bước 1: Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tới Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện hoặc theo đường bưu điện;

Bước 2: Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định từ Chủ trì liên kết, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện tham mưu UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp huyện, thành phần gồm: Lãnh đạo UBND cấp huyện là Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện lãnh đạo các phòng chuyên môn của cấp huyện, UBND cấp xã liên quan; mời đại diện lãnh đạo: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, đơn vị có liên quan cùng tham dự. Kinh phí chi cho các hoạt động của Hội đồng thẩm định cấp huyện được thực hiện theo các quy định hiện hành (sử dụng vốn sự nghiệp ngân sách cấp huyện).

Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ đủ điều kiện thì phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện có tờ trình trình UBND cấp huyện xem xét và phê duyệt hỗ trợ liên kết theo phân cấp. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ trì liên kết được biết.

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện, UBND cấp huyện ra Quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết hoặc kế hoạch hỗ trợ liên kết theo phân cấp Quy định này (nếu hồ sơ hợp lệ); Nếu hồ sơ không hợp lệ trả về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện đúng quy định.

Điều 11. Nguồn vốn thực hiện

1. Vốn bố trí từ nguồn ngân sách (Trung ương, địa phương), trong đó:

a) Vốn đầu tư phát triển: Hàng năm bố trí vốn để hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp để bố trí cho các dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được cấp thẩm quyền phê duyệt năm trước;

b) Vốn sự nghiệp: Sử dụng vốn từ các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; chương trình khuyến nông; chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác được bố trí hàng năm để chi hỗ trợ tư vấn xây dựng dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết; hỗ trợ khuyến nông; hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi giá trị; hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm và hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng khoa học công nghệ theo quy định.

2. Vốn huy động từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân, nông dân tham gia liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương IV

LẬP DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ LIÊN KẾT VÀ THANH TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ LIÊN KẾT

Điều 12. Lập dự toán kinh phí hỗ trợ liên kết

1. Căn cứ vào dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện theo các nội dung hỗ trợ dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết và theo hợp đồng liên kết dự toán kinh phí hỗ trợ liên kết cho các bên tham gia liên kết trên địa bàn tham mưu UBND cấp huyện trình UBND tỉnh, đồng thời gửi các sở, ngành có liên quan:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nguồn vốn đầu tư, vốn Chương trình MTQG từ ngân sách hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết theo quy định vào dự toán ngân sách hàng năm để tham mưu UBND tỉnh phân khai vốn đầu tư cho UBND cấp huyện thực hiện hỗ trợ dự án liên kết theo quy định này;

b) Sở Tài chính tổng hợp nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách hỗ trợ cho liên kết theo quy định vào dự toán ngân sách hàng năm để tham mưu trình UBND tỉnh quyết định giao dự toán kinh phí hỗ trợ liên kết cho UBND cấp huyện thực hiện hỗ trợ liên kết theo quy định này;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân tỉnh lồng ghép các nguồn kinh phí hỗ trợ liên kết cho các đối tượng theo quy định.

2. Việc lập dự toán kinh phí hỗ trợ dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 13. Thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ liên kết (kèm biên bản nghiệm thu mẫu 06)

1. Chủ trì liên kết

a) Thanh quyết toán vốn đầu tư: Chủ trì liên kết cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan đến triển khai thực hiện dự án liên kết đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết theo quy định, cụ thể khối lượng công việc đã hoàn thành, bao gồm: Báo cáo khối lượng công việc đã thực hiện hoàn thành, các chứng từ, hóa đơn hợp pháp theo nguyên tắc tài chính và các nội dung khác có liên quan;

b) Thanh quyết toán vốn sự nghiệp:

- Chủ trì liên kết căn cứ theo hợp đồng liên kết đã ký với các bên tham gia liên kết để triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Lập hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ liên kết, bao gồm: Chi phí tư vấn xây dựng liên kết; hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông; hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường; hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã và hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi;

c) Chủ trì liên kết tập hợp, hoàn chỉnh hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng tham gia thực hiện dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo từng vụ hoặc chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm/năm) gửi phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện tổng hợp, kiểm soát và tham mưu trình UBND cấp huyện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành và chỉ đạo các phòng chuyên môn, Kho bạc Nhà nước cấp huyện chi tiền hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định.

2. Các tổ chức, nông dân và cá nhân (sau đây gọi chung là các bên tham gia liên kết)

a) Để được hỗ trợ các chi phí tham gia dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết theo quy định, các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung cam kết của hợp đồng liên kết (đã ký);

b) Cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến thực hiện hợp đồng liên kết và các chứng từ, hóa đơn: mua giống, vật tư, chi phí bao bì, nhãn mác sản phẩm

(theo từng vụ hoặc chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm/năm) gửi Chủ trì liên kết tập hợp, hoàn chỉnh hồ sơ thanh quyết toán và trình cấp thẩm quyền xem xét để chi tiền hỗ trợ cho các đối tượng tham gia thực hiện dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết;

c) Các chứng từ, hóa đơn thanh toán chi phí hỗ trợ phải hợp lệ đảm bảo đúng nguyên tắc tài chính quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Phối hợp các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh;

c) Thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ theo quy định để tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án hỗ trợ liên kết hoặc kế hoạch hỗ trợ liên kết theo Điều 10 Quy định này;

d) Thông tin, tuyên truyền về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến các đối tượng thụ hưởng biết và triển khai thực hiện liên kết;

đ) Phối hợp các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện kiểm tra tình hình thực hiện hỗ trợ liên kết trên địa bàn tỉnh; đồng thời tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả triển khai thực hiện việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện thẩm định dự án liên kết và kinh phí hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện để tổng hợp, cân đối, lồng ghép nguồn vốn đầu tư, vốn chương trình mục tiêu quốc gia từ ngân sách hỗ trợ hàng năm tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ cho UBND cấp huyện thực hiện dự án liên kết theo quy định này;

c) Hướng dẫn triển khai thực hiện nguồn vốn đầu tư và dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết hàng năm để hỗ trợ thực hiện các dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định này.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện thẩm định vốn sự nghiệp để hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ theo quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện đề tổng hợp, cân đối, lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách hỗ trợ để tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ hàng năm cho UBND cấp huyện thực hiện hỗ trợ các bên tham gia liên kết theo quy định này;

c) Hướng dẫn thanh quyết toán nguồn vốn hỗ trợ liên kết từ ngân sách để hỗ trợ các bên tham gia liên kết theo quy định này.

4. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hỗ trợ các bên tham gia liên kết đảm bảo thực hiện đúng cam kết của hợp đồng liên kết và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển thị trường;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện tham mưu UBND tỉnh lồng ghép nguồn vốn xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh; tăng cường công tác xúc tiến thương mại để hỗ trợ các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển thị trường trong nước và ngoài nước.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện tham mưu UBND tỉnh lồng ghép nguồn vốn đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm để hỗ trợ các đối tượng tham gia liên kết theo quy định.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên, UBND cấp huyện quan lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp khoa học hàng năm tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ chuyên gia công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp đồng bộ theo chuỗi giá trị để hỗ trợ các đối tượng tham gia liên kết theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân xây dựng thương hiệu, nhãn hàng hóa cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện tăng cường thông tin về các chính sách hỗ trợ liên kết, các hình thức liên kết trong sản xuất nông nghiệp để khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân và nông dân tham gia liên kết;

b) Tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng.

Điều 15. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

2. Thành lập Hội đồng thẩm định cấp huyện hoặc giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ theo quy định và tham mưu trình UBND cấp huyện phê duyệt dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết theo Điều 10 Quy định này; đồng thời chỉ đạo các phòng chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã liên quan và các đối tượng liên quan triển khai thực hiện việc hỗ trợ các bên tham gia liên kết theo Quy định này.

3. Hàng năm, tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết (nguồn vốn đầu tư) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và nguồn vốn sự nghiệp để hỗ trợ các bên tham gia liên kết theo Quy định này gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu trình UBND tỉnh phân khai nguồn vốn để thực hiện hỗ trợ liên kết theo quy định.

4. Kiểm tra, báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu về kết quả triển khai thực hiện việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh báo cáo theo quy định.

Điều 16. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội và các hội, hiệp hội

1. Thông tin, tuyên truyền, tư vấn, vận động và thông báo đến các thành viên hỗ trợ các bên tham gia liên kết và thực hiện đúng hợp đồng liên kết theo quy định này nhằm góp phần xây dựng các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; đồng thời quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh có tiềm năng, thế mạnh phát triển thị trường trong nước và ngoài nước.

2. Bảo vệ quyền và lợi ích của thành viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết; cung cấp các thông tin về giải pháp hỗ trợ quy trình kỹ thuật sản xuất, chất lượng sản phẩm, phát triển thị trường.

Điều 17. Chủ đầu tư dự án liên kết hoặc Chủ trì liên kết

1. Lập đơn đề nghị về việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (theo mẫu số 01) trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định này.

2. Xây dựng hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết theo quy định trình cấp thẩm quyền thẩm định hồ sơ và phê duyệt theo phân cấp quy định này.

3. Tập hợp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, hóa đơn thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ các bên tham gia liên kết thực hiện dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo từng vụ hoặc chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm/năm) gửi phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện xem xét trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định.

Điều 18. Quyền lợi, nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết

1. Quyền của các bên tham gia liên kết thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (viết tắt là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

2. Nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

Điều 19. Xử lý tranh chấp, vi phạm khi thực hiện hợp đồng và dự án liên kết

Việc xử lý tranh chấp, vi phạm khi thực hiện hợp đồng và dự án liên kết hoặc kế hoạch hỗ trợ liên kết theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp và thi hành

1. Các bên tham gia liên kết đang thực hiện theo Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về mức hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các chính sách đã được phê duyệt.

2. Trường hợp các dự án xây dựng cánh đồng lớn đã chấp thuận chủ trương nhưng chưa trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để được hưởng chính sách trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ theo quy định để được hưởng chính sách hỗ trợ liên kết tại Quyết định này.

3. Đối với các nội dung khác chưa quy định cụ thể trong Quyết định này thì áp dụng theo các quy định hiện hành.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị các sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

ACT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

**TÊN ĐỐI TƯỢNG
THAM GIA LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp
*(Kèm theo Quyết định số 23 /2019/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh;
- UBND huyện

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp,(tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô liên kết:.....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết:

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết:.....

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông:.....

4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn:.....
5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm:
6. Hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới:
7. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ:
- Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):.....

III. CAM KẾT: (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.....:

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**/TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

DỰ ÁN LIÊN KẾT

Phần I

GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

*(Kèm theo Quyết định số 23 /2019/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)*

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

.....

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ dự án liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:.....

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:.....Fax:E-mail

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:E-mail

c)

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):...

2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

2. Quy mô liên kết:

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

4. Hình thức liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...)

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...)

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...)

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,)

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,.....)

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...).....

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):.....

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT
(Kèm theo Quyết định số 23 /2019/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

1. Chủ trì liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

- a) Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:, Fax: E-mail

- b) Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại: Fax: E-mail.....

c)

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)

4. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết

5. Địa điểm thực hiện liên kết:.....

II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
- Quy mô liên kết:
- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
- Hình thức liên kết:
- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.
- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn.
- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.
- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

V. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

VI. KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

*(Kèm theo Quyết định số 23 /2019/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

Ngày tháng năm , tại
..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
3.

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
3. Quy mô liên kết:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng,
trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng
 - (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
 - (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thànhbản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữbản, chủ đầu tư dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

**Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn
chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh
và bảo vệ môi trường**

*(Kèm theo Quyết định số 33 /2019/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

Kính gửi:.....
(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:, Fax: E-mail:

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt Lâm nghiệp Chăn nuôi

Nuôi trồng thủy sản Khai thác, sản xuất muối

Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
DỰ ÁN LIÊN KẾT HOẶC KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
LIÊN KẾT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH
GIAI ĐOẠN 2019-2025
(Kèm theo Quyết định số 23 /2019/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

1. Tên Dự án liên kết hoặc kế hoạch liên kết (hạng mục/nội dung hỗ trợ): ...

2. Địa điểm xây dựng liên kết:

3. Thành phần tham gia nghiệm thu gồm:

a) Đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện, các phòng chuyên môn cấp huyện nghiệm thu (Ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan và cử tham gia làm đại diện)

b) Chủ đầu tư dự án liên kết (Chủ trì liên kết): Tên doanh nghiệp hoặc HTX

Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đầu tư dự án, hạng mục/nội dung đầu tư được hỗ trợ:

c) Tên Nhà thầu thi công các hạng mục/nội dung đầu tư theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu và cán bộ phụ trách thi công dự án, hạng mục dự án:

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

- Bắt đầu: ngày tháng năm

- Kết thúc: ...ngày tháng năm

Tại:.....

5. Đánh giá theo nội dung của dự án/KH được cấp có thẩm quyền phê duyệt (hạng mục/nội dung hỗ trợ):

a) Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu gồm dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được phê duyệt để hỗ trợ: Chi phí tư vấn xây dựng liên kết; đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết; xây dựng mô hình khuyến nông; đào tạo, tập huấn; mua giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm; chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới...(nghiệm thu theo từng vụ/từng nội dung hỗ trợ theo các hợp đồng liên kết đã ký)

.....
.....
.....

b) Quy mô dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ (ghi cụ thể theo từng năm/từng vụ sản xuất hoặc chu kỳ khai thác sản phẩm)

.....
.....
.....

c) Các bên tham gia liên kết (về thực hiện đúng cam kết thỏa thuận trong hợp đồng liên kết), cụ thể:.....

.....
.....

d) Các ý kiến khác (nếu có)

.....
.....

6. Kết luận của đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện:

- Nghiệm thu dự án hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết theo từng hạng mục/nội dung hỗ trợ liên kết đạt yêu cầu và được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nêu cụ thể nội dung, kinh phí được hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia liên kết...)

.....
.....

- Yêu cầu sửa chữa, bổ sung hoàn thiện (ghi cụ thể các nội dung cần sửa chữa, bổ sung để hoàn chỉnh, thời gian, địa điểm.... và các ý kiến khác nếu có).

.....
.....
.....

Thống nhất các nội dung được nghiệm thu (nêu cụ thể nội dung được nghiệm thu theo từng hợp đồng liên kết) và số tiền chi hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định (kèm theo danh sách nhận tiền hỗ trợ và các chứng từ, hóa đơn, hợp đồng...có liên quan thực hiện dự án liên kết), các bên tham gia liên kết chịu trách nhiệm về cung cấp đầy đủ, trung thực những thông tin liên quan trong biên bản nghiệm thu này./.

ĐẠI DIỆN
(UBND CẤP HUYỆN)

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN
(CÁC PHÒNG CHUYÊN
MÔN CẤP HUYỆN)

ĐẠI DIỆN
CÁC BÊN THAM GIA LIÊN KẾT
(HOẶC CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN)

ĐẠI DIỆN
(UBND CẤP XÃ NƠI
THỰC HIỆN DỰ ÁN)